

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 139/2025/DS-ST
Ngày 27 – 5 – 2025
V/v tranh chấp HĐ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Sim
2. Bà Trần Thị Hoài Yên

- Thư ký phiên toà: Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2025/TLST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Q; địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower – 111 A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1997; Chức vụ: Cán bộ; Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2024 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp Cái Đ, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 15/01/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng) cùng bà Trịnh Thị B thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 7459270.20 cho bà B vay số tiền 700.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu HONDA, thời hạn vay 84 tháng tính từ ngày 17/01/2020 đến ngày 16/01/2027, lãi suất thỏa thuận: tại thời điểm giải ngân lãi suất ưu đãi là 9,6%/năm được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất này sẽ được

điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm quy định tại VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, trả nợ gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng, mỗi tháng trả nợ gốc là 8.340.000 đồng, ngày bắt đầu trả nợ là ngày 20/02/2020. Sau khi ký hợp đồng tín dụng nêu trên đến ngày 16/01/2020, Ngân hàng đã vay ngân cho bà B số tiền 700.000.000 đồng và bà B có thể chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Honda mang biển số kiểm soát 69A-075.21, việc thế chấp có làm hợp đồng có đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng không công chứng chứng thực. Đến ngày 23/4/2020, bà B đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản với Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với tổng hạn mức sử dụng là 57.000.000 đồng, nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà B đã thực hiện giao dịch rút tiền từ thẻ tín dụng với tổng số tiền là 57.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện vay tính đến ngày 20/7/2024, bà B đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 711.845.988 đồng trong đó, nợ gốc là 442.137.284 đồng và lãi là 269.708.704 đồng thì ngưng cho đến nay. Mặc dù, đã được nhắc nhở nhiều lần nhưng bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 20/8/2024, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà B và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 20/7/2024.

Tính đến ngày 27/5/2025, bà B còn nợ Ngân hàng các khoản: Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 7459270.20 còn nợ vốn là 257.762.716 đồng, nợ lãi trong hạn 24.227.457 đồng và nợ lãi quá hạn là 21.761.180 đồng; Khoản vay cấp thẻ tín dụng còn nợ vốn 55.379.320 đồng, nợ lãi quá hạn 18.173.523 đồng và phí 23.080.237 đồng. Tổng các khoản, bà B còn nợ Ngân hàng với số tiền là 400.384.433 đồng (bốn trăm triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng) trong đó, nợ vốn là 313.142.036 đồng và nợ lãi 87.242.397 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán một lần hết số tiền nợ trên và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Đối với việc thế chấp tài sản, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét, xử lý tài sản bảo đảm.

Đối với bà Trịnh Thị B (bị đơn), Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà không đến Toà, cũng không gửi văn bản đề nghị ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có quy định lãi suất cụ thể là hợp đồng tín dụng số 7459270.20 ngày 15/01/2020 và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng vào ngày 23/4/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị

đơn không trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận là đã vi phạm điều khoản cam kết nên được xem xét làm cơ sở để thanh lý hợp đồng.

Mặc dù, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện việc bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn các khoản tính đến ngày 27/5/2025 với tổng số tiền là 400.384.433 đồng (bốn trăm triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng) là sự thật nên không phải chứng minh. Do đó, cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ trên cho nguyên đơn cùng lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp.

[3] Đối với việc thế chấp tài sản, do quá trình khởi kiện nguyên đơn không đặt ra yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và hiện nguyên đơn không xác định được bị đơn còn quản lý, sử dụng tài sản thế chấp hay không trong khi bị đơn vắng mặt. Mặc dù, việc thế chấp thế chấp tài sản có đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu xem xét xử lý tài sản thế chấp – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 100 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Buộc bà Trịnh Thị B thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q các khoản tính đến ngày 27/5/2025 với tổng số tiền là 400.384.433 đồng (bốn trăm triệu ba

trăm tám mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng) trong đó: Đối với hợp đồng tín dụng số 7459270.20 ngày 15/01/2020, bà B vay vốn là 257.762.716 đồng, nợ lãi trong hạn 24.227.457 đồng và nợ lãi quá hạn là 21.761.180 đồng, tổng số tiền nợ là 303.751.353 đồng; Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng vào ngày 23/4/2020, bà B vay vốn là 55.379.320 đồng, nợ lãi quá hạn 18.173.523 đồng và phí 23.080.237 đồng, tổng số tiền nợ là 96.633.080 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/5/2025, bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ vốn chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vốn này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà B phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Trịnh Thị B phải nộp số tiền là 20.015.000 đồng (hai mươi triệu không trăm mười lăm nghìn đồng - chưa nộp).

Ngân hàng thương mại cổ phần Q không phải nộp. Ngày 24/02/2025, Ngân hàng thương mại cổ phần Q đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 8.899.825 đồng (tám triệu tám trăm chín mươi chín nghìn tám trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0003856 được trả lại toàn bộ cho Ngân hàng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trịnh Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân**